

Số: **1496**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **15** tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Trồng trọt, lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đã được công bố tại Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị trái với Quyết định này đều bị thay thế, bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC_(2b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *pho*



Hà Sỹ Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1496/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục hành chính ban hành mới: 01 thủ tục

Số TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phi/ lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Trồng trọt							
1	1.008003. 000.00.00. H50	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định Công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trưởng hợp: Cấp Quyết định công nhận: 25 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) Trưởng hợp: Phục hồi Quyết định công nhận: 5 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt và giống cây trồng và canh tác

2. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 04 thủ tục

Số TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản								

1	2.001832. 000.00.00. H50	Cấp giấy xác nhận kiến thức về An toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Trường hợp lĩnh vực trồng trọt: 13 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trường hợp lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Phí: 30.000đ/ lần/ người	- Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-LT- BYT-BCT-BNN PTNT ngày 09/4/2014; - Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018; - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Sửa đổi làm việc từ 03 ngày thành 05 ngày đối với lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. - Bổ sung thêm trường hợp của Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật.
2	2.001827. 000.00.00 .H50	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản	Trường hợp lĩnh vực Trồng trọt: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trường hợp lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nếu cơ sở đã được thẩm định và được xếp loại A hoặc B) - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nếu cơ sở chưa được thẩm	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Phí Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: - Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện 700.000đ/ cơ sở; - Thẩm định	- Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018; - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	Bổ sung thêm hợp trường của Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật.

			định và xếp loại)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018; - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	Bổ sung thêm trường hợp của Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật.
3	2.001823. 000.00.00 .H50	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	Trưởng hợp lĩnh vực Trồng trọt: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) Trưởng hợp lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nếu cơ sở đã được thẩm định và được xếp loại A hoặc B) - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nếu cơ sở chưa được thẩm định và xếp loại)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Phí Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: - Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện 700.000đ/ cơ sở - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018; - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	Bổ sung thêm trường hợp của Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật.
4	2.001819. 000.00.00. H50	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018; - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	Bổ sung thêm trường hợp của Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật.

	thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP)						44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	vật.
--	--	--	--	--	--	--	---	------

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thủ tục hành chính thay thế: 01 thủ tục

Số TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý
-------	--------------------------------------	---------------------------------	---------------------	--------------------	---------------------	-------------	----------------

Lĩnh vực Trồng trọt

1	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa Mã TTHC: 1.003530.000.00.00. H50 (<i>Thủ tục công bố tại Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị</i>)	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa Mã TTHC: 1.008004.000.00.00. H50	5 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác
---	---	--	---	--	--	-------	---